



CK.0000062309

TS. HÀ THỊ THU THỦY (Chủ biên)
TS. DƯƠNG QUỲNH PHƯƠNG
TS. VŨ NHƯ VÂN

CÁC DÂN TỘC MÔNG DAO

GÓC NHÌN ĐA CHIỀU TỪ

ĐỊA LÝ DÂN TỘC HỌC LỊCH SỬ - SINH THÁI NHÂN VĂN

MIỀN NÚI PHÍA BẮC



YÊN
HỆ



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

TS. HÀ THỊ THU THUYẾT (CHỦ BIÊN)
TS DƯƠNG QUỲNH PHƯƠNG
TS VŨ NHƯ VÂN

CÁC DÂN TỘC MÔNG, DAO
GÓC NHÌN ĐA CHIỀU TỪ ĐỊA LÝ
DÂN TỘC HỌC LỊCH SỬ - SINH THÁI NHÂN VĂN
MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỜI NÓI ĐẦU

Trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, hai dân tộc Mông, Dao có nét văn hoá đặc thù, thu hút sự quan tâm nghiên cứu với góc nhìn đa chiều của các nhà địa lý học bằng việc tổng hợp nguồn thông tin phong phú trên mạng internet, các ấn phẩm xuất bản cũng như các đề tài khoa học liên quan, các cuộc nghiên cứu thực địa nhiều năm, nhiều thời kỳ tại nhiều địa bàn cư trú của đồng bào Mông, Dao thuộc các tỉnh trung du miền núi phía Bắc đất nước.

Với việc nghiên cứu biên soạn chuyên khảo về hai dân tộc Mông, Dao với tiêu đề: *“Các dân tộc Mông, Dao: Góc nhìn đa chiều từ địa lý dân tộc học lịch sử - sinh thái nhân văn”*, chúng tôi, các nhà sử học, địa lý học, mong muốn góp phần làm phong phú thêm nội dung Đề tài độc lập cấp Nhà nước: *“Sự tương tác giữa yếu tố tự nhiên và đời sống kinh tế và văn hoá của các dân tộc Mông, Dao khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam”* (Mã số: ĐTDL 2010 T / 32).

Trong quá trình nghiên cứu - biên soạn, chúng tôi nhận được sự quan tâm giúp đỡ, sự hỗ trợ của các cơ quan ban ngành các địa phương, các trường bản, sự khích lệ của các đồng nghiệp trong thu thập, xử lý thông tin tư liệu cũng như góp ý đánh giá, luận bàn nhằm làm sáng tỏ vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài.

Chuyên khảo được trình bày dưới dạng chuyên đề, bắt đầu từ những vấn đề chung, kết thúc bằng một số vấn đề chuyên sâu về hai dân tộc Mông, Dao, cuối cùng được nâng lên thành triết lý phát triển bền vững cho vùng Đông Bắc.

Trong quá trình thực hiện các chuyên đề không tránh khỏi thiếu sót, nhược điểm. Rất mong nhận được sự góp ý xây dựng để công trình được hoàn thiện và có ý nghĩa thiết thực cho việc nghiên cứu chiến lược phát triển bền vững cho các dân tộc Mông, Dao cũng như cho cộng đồng các dân tộc thiểu số nói chung khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam .

Xin chân thành cảm ơn.

Thái Nguyên, 2/2012

Nhóm tác giả

CHUYÊN ĐỀ 1

DÂN TỘC MÔNG TRONG CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM: LỊCH SỬ VÀ ĐƯƠNG ĐẠI

Tộc danh: Dân tộc Mông, 1.068.189 người (1-4-2009).

Tên gọi khác: Mèo, Mẹo, Mán Trắng...

Cư trú tập trung ở miền núi cao thuộc các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Tuyên Quang, Yên Bái, Nghệ An và Thanh Hoá. Cư trú theo từng bản với vài chục nóc nhà, chủ yếu ở các vùng núi cao phía Bắc. Trồng trọt: chủ yếu là nương định canh hoặc nương du canh và ruộng bậc thang trồng ngô, lúa, lúa mạch, các cây ăn quả như táo, lê, đào, mận, trồng và dệt vải lanh. Chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà, ngựa. Chợ vùng cao của người Mông vừa thỏa mãn nhu cầu trao đổi hàng hoá, vừa thỏa mãn nhu cầu giao lưu tình cảm, sinh hoạt, đặc biệt hấp dẫn là các chợ tình Sa Pa (Lào Cai), Mộc Châu (Sơn La), Khâu Vai (Hà Giang).

Các nhóm Mông được phân biệt theo màu sắc và trang phục của phụ nữ để phân biệt giữa phụ nữ Mông Trắng, Mông Hoa, Mông Đen hoặc Mông Xanh. Tình cảm gắn bó giữa những người trong họ sâu sắc. Trường họ là những người có uy tín,

được dòng họ tôn trọng, tin nghe. Tết cổ truyền vào đầu tháng 12 âm lịch; sau Tết là hội Sài Sán (leo núi) tổ chức từ mùng 3 đến mùng 5 Tết, là một lễ hội truyền thống và độc đáo. Gần đây, người Mông ở nhiều địa phương bắt đầu ăn Tết cùng dịp năm mới với đồng bào cả nước.

Theo dòng lịch sử người Mông nhập cư vào Việt Nam, khoảng 300 năm về trước, họ có quan hệ thân tộc với người Mông ở các nước láng giềng Việt Nam như ở Trung Quốc, Thái Lan, Lào và một bộ phận người Mông hiện đang sinh sống ở Mỹ. Do tính phức tạp của lịch sử nhập cư cũng như sự nhạy cảm về các vấn đề địa lý tộc người, chúng tôi cho rằng cần nghiên cứu dân tộc Mông theo một trình tự sau đây: (1) Khái quát về lịch sử dân tộc Mông; (2) Tri thức và kinh nghiệm bản địa trong sản xuất của người Mông; (3) Các giá trị văn hoá tinh thần của người Mông; (4) Vấn đề người Mông theo đạo Tin Lành; (5) Nhận dạng tính đặc thù văn hoá dân tộc Mông qua hiện trạng môi trường và thực tiễn phát triển xã hội trên Cao nguyên đá Đồng Văn, Hà Giang.

1. KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ DÂN TỘC MÔNG

Người Mông ở Việt Nam hiện nay có nhiều tên gọi như: Mèo, Mùo, Miêu, Hmông, Mán... Họ tự gọi là Mông. Từ thế kỷ XIX trở về trước, các tầng lớp phong kiến gọi người Mèo cũng như các dân tộc thiểu số khác là “Man” hay “Mán”, về sau trong các tài liệu “Bắc cương kỳ giới”, “Đại Nam nhất thống chí” có chép là “Miêu tộc” hay “Miêu dân”. Theo nguồn tài liệu này, người Mèo lúc đó có 3 ngành theo màu sắc y phục: Mèo Trắng, Mèo Đen và Mèo Xanh. Ban đầu người Mông mới di cư sang

Việt Nam thì các dân tộc khác căn cứ vào chiếc áo của họ có thêu nhiều màu sắc sỡ như cánh bướm, nên họ gọi người Mèo là người “*Bướm bướm*”. Tên gọi Mèo hay Mèo hay Miêu là những tên gọi còn Hmông hay Mông là tên tự gọi của người Mông. Mông có nghĩa là “*Người*”.

Ngôn ngữ của người Mông được xếp vào nhóm, Mông - Dao. Theo truyền thuyết Trung Quốc thì người Mông xuất hiện sớm nhất ở lưu vực sông Hoàng Hà - Trung Quốc, do tù trưởng Xuy - Vu ru chỉ huy. Sau bị bộ lạc du mục người Hán, do tù trưởng Hiên - Viên chỉ huy từ phương bắc di cư xuống, đánh bại bộ lạc nông nghiệp người Mèo, tù trưởng Hiên - Viên xưng vua, lấy hiệu là Hoàng đế (khoảng vào năm 2700 năm trước công nguyên).

Sống dưới ách thống trị của Hoàng đế Hán tộc, người Mông luôn nổi dậy chống lại, nhưng thường bị thất bại và bị đàn áp dã man, nên họ di cư dần về khu vực hồ Động Đình và hồ Bành Lãi. Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, người Mông xây dựng nước Tam - Miêu và đóng đô ở Trường Sa. Địa vực nước Tam Miêu lúc đó bao gồm các vùng Giang Tô, Triết Giang, Hoãn Nam, Giang Tây, Hồ Nam, Hồ Bắc và Dự Nam. Cũng có giả thuyết cho rằng, nơi đây là khu vực của Thần Nông, Phục Hy và Nữ Oa; và Xuy Vu ru và dân Tam Miêu đều là họ Khương cùng dòng họ với Thần Nông (theo thần thoại Thần Nông là người phát minh ra nghề trồng lúa và nghề thuốc Đông y).

Về sau thế lực của người Hán ngày càng phát triển về phía nam. Người Miêu không chống lại được, nên phải lùi dần về hạ lưu sông Dương Tử, rồi vượt qua sông đi về phía Nam, sống trên dãy núi Nam Lĩnh, sau này gọi là Miêu Lĩnh, tức là nơi “*trời không 3 ngày sáng, đất không 3 thước bằng*”, có nghĩa là núi rất

cao, sương mù bao phủ quanh năm suốt tháng, vực sâu, đất dốc. Dãy núi Nam Lĩnh nằm ở ngay biên giới các tỉnh Quảng Tây, Hồ Nam, Quý Châu. Sau đó, người Miêu di cư dần vào các tỉnh trên và sang cả đảo Hải Nam.

Qua tìm hiểu các nguồn tài liệu của các nhà nghiên cứu, người Mông di cư sang Việt Nam có 3 đợt đồng nhất:

- *Đợt di cư đầu tiên*: Cách đây khoảng 18 đời (trên dưới 350 năm), một số gia đình người Mông di cư từ Quý Châu Trung Quốc sang Đồng Văn - Hà Giang. Đợt di cư này tương ứng với phong trào của người Mông chống lại chính sách “Cải tổ quy lưu” - chính sách xoá bỏ chế độ tù trưởng người Mông ở Quý Châu, thay vào đó, triều đình trung ương đưa bọn quan lại người Hán đến trực tiếp cai trị. Phong trào đấu tranh kéo dài từ cuối đời Minh cho đến đầu đời nhà Thanh (TK XVII - XVIII), cuối cùng đều thất bại.

- *Đợt di cư thứ hai*: Trên dưới 350 năm (khoảng 12 - 12 đời). Người Mông từ Trung Quốc sang Việt Nam theo hai đường: Một đường vào huyện Đồng Văn - Hà Giang, rồi phân tán dần đến Hoàng Su Phì; một đường vào Si Ma Cai và huyện Bắc Hà - Lào Cai. Đợt di cư này có liên quan tới sự thất bại cuộc đấu tranh của người Mông ở Quý Châu chống lại vua Càn Long và Gia Khánh từ năm 1796 đến năm 1820.

- *Đợt di cư thứ ba*: Đông hơn tất cả các cuộc di cư trước đây, khoảng 200 năm (8 đời). Hơn một vạn người Mông di cư vào Việt Nam qua các tỉnh: Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Cao Bằng và một số địa phương khác. Phần đông nguồn gốc từ Quý Châu, một bộ phận từ Vân Nam, Quảng Tây. Thời kỳ này diễn ra phong trào Thái Bình Thiên Quốc chống nhà Mãn Thanh, kéo